



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
HCMC University of Technology and Education

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
BỘ MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Tiểu luận cuối kỳ:

**Điều kiện ly hôn theo quy định của Luật
hôn nhân gia đình – Lý luận và thực tiễn**

GVHD: TH.S VÕ THỊ MỸ HƯƠNG

MÃ MÔN HỌC: GELA220405

LỚP: 06

SINH VIÊN: Lê Hải Đăng

MSSV: 20110243

TP. Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2022

LỜI NÓI ĐẦU

Pháp luật đã xuất hiện được một thời gian rất dài trong lịch sử loài người, nhưng đến hiện tại vẫn còn rất nhiều người chưa hiểu được tầm quan trọng và chưa thể vận dụng pháp luật vào đời sống. Vậy nên môn học “Pháp luật đại cương” đã một lần nữa cung cấp toàn diện các khái niệm cơ bản về pháp luật để sinh viên có thể nắm rõ và vận dụng vào thực tiễn.

Để hoàn thành được tiểu luận với chủ đề “*Điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình – Lý luận và thực tiễn*”, em không quên gửi lời cảm ơn đến cô Võ Thị Mỹ Hương đã cung cấp nguồn kiến thức và tài liệu để em học tập, tìm hiểu. Trong quá trình làm tiểu luận, em đã cố gắng hết sức. Song, do kiến thức còn hạn hẹp nên không thể tránh những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp tích cực từ cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Lê Hải Đăng

ĐIỂM	ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.	1
3. Phương pháp nghiên cứu.	2
4. Bố cục đề tài.	2
B. PHẦN NỘI DUNG	2
Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về ly hôn.....	2
1. Khái niệm về ly hôn.	2
1.1. Thuận tình ly hôn.	2
1.2. Đơn phương ly hôn.	3
2. Lịch sử liên quan đến ly hôn.	4
2.1. Pháp luật ly hôn trước năm 1945.	4
2.2. Pháp luật ly hôn từ năm 1945 đến năm 1986.....	5
2.3. Pháp luật ly hôn sau năm 1986 đến nay.....	6
3. Yếu tố lỗi trong ly hôn.	7
4. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong ly hôn.	8
4.1. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.....	8
4.2. Bảo vệ quyền lợi của trẻ em.....	10
Chương 2: Những điều kiện để ly hôn.....	12
1. Điều kiện cần để có thể ly hôn.	12
1.1. Có hành vi bạo lực gia đình.	12
1.2. Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.	13
2. Điều kiện đủ để có thể ly hôn.	15
3. Ví dụ làm rõ về các điều kiện ly hôn.	16
Chương 3: Những vấn đề thực tiễn về ly hôn.....	18
1. Thực trạng ly hôn.	18
1.1. Ở Việt Nam.	18
1.2. Ở các nước phát triển.	19

2. Nguyên nhân ly hôn.	19
2.1. Bạo lực gia đình.	19
2.2. Mẫu thuẫn tài chính.....	20
2.3. Ngoại tình.....	20
2.4. Các nguyên nhân phụ khác.	21
3. Giải pháp hạn chế ly hôn.....	21
4. Một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ly hôn.....	22
C. KẾT LUẬN.....	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	26

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Ngày nay với xu thế hội nhập quốc tế thì xã hội ngày càng phát triển và các mối quan hệ trong xã hội luôn vận động và biến đổi không ngừng. Để có một xã hội văn minh và phát triển thì xã hội ấy phải phát triển theo định hướng của pháp luật. Như chúng ta đã biết, để có một xã hội tốt thì pháp luật cần phải toàn diện và phù hợp để toàn xã hội hướng tới. Mà Luật Hôn nhân và Gia đình là một luật gắn liền với quyền nhân thân của mỗi công dân, điều chỉnh mọi quan hệ hôn nhân và gia đình – một nhóm quan hệ phổ biến, theo sau đó là nhiều vấn đề phức tạp như: Quyền thừa kế, tài sản chung vợ chồng, nghĩa vụ đối với con cái... Với tính chất phức tạp và thiết thực của quan hệ hôn nhân và gia đình thì Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời và luôn được nhà nước quan tâm, sửa đổi, hoàn thiện sao cho ngày một tiên bộ và phù hợp hơn với thời đại.

Em đang là sinh viên năm hai – độ tuổi đủ điều kiện để kết hôn nên các vấn đề về Luật Hôn nhân và Gia đình là một vấn đề cần thiết để chúng em tìm hiểu. Một cuộc hôn nhân viên mãn là điều mà bất cứ đôi vợ chồng nào cũng mong ước, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng có được nó. Mặc dù điều em sắp đề cập tới đây là điều không ai mong muốn, nhưng em tin rằng ai trong chúng ta cũng nên cần biết và hiểu toàn diện về một vấn đề nào đó, mà ở đây em muốn nhắc đến đó là ly hôn. Thực tế, trong những năm gần đây tỷ lệ ly hôn trong cả nước ngày càng tăng, đã gây nên sự bất ổn và mất cân bằng trong xã hội. Từ tình hình thực tế trên cùng với mục đích nâng cao kiến thức về ly hôn nên em đã quyết định chọn chủ đề *“Điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình – Lý luận và thực tiễn”* làm chủ đề chính trong bài tiểu luận cuối kỳ.

2. Mục tiêu nghiên cứu.

Làm rõ vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình về vấn đề ly hôn. Phân tích đánh giá những quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xoay quanh chủ đề. Tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp để hạn chế ly hôn trong xã hội ngày nay. Từ đó có những kiến nghị để hoàn thiện hơn về pháp luật ly hôn.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, em đã sử dụng các phương pháp như: Thu thập tài liệu, phân tích, phương pháp quy nạp, diễn dịch, sưu tầm số liệu thực tế, so sánh và đánh giá...Em cũng đã cập nhật và sử dụng các tài liệu báo đài, giáo trình, tạp chí có liên quan đến chủ đề để các thông tin được đa dạng và phong phú.

4. Bố cục đề tài.

Tiểu luận được trình bày với nội dung gồm 03 chương chính:

- **Chương 1:** Những vấn đề lý luận chung về ly hôn.
- **Chương 2:** Những điều kiện để ly hôn.
- **Chương 3:** Những vấn đề thực tiễn về ly hôn.

B. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về ly hôn.

1. Khái niệm về ly hôn.

Việc xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững và lâu dài là điều mà cặp vợ chồng nào cũng mong ước. Tuy vậy, không phải cặp vợ chồng nào cũng có thể chung sống với nhau đến cuối đời, mà nguyên nhân chính là do những mâu thuẫn dẫn đến việc chung sống không thể tiếp tục kéo dài, đồng nghĩa với mục đích hôn nhân cũng không còn, thì việc chấm dứt hôn nhân bằng việc ly hôn là một giải pháp thiết thực nhất. *“Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.”*. Ly hôn là quyền tự do nhân thân của vợ chồng, do đó chỉ vợ chồng hoặc cả hai vợ chồng quyết định mà không ai có quyền cưỡng ép, ép buộc hoặc cản trở việc ly hôn. Ly hôn chính là kết quả của hành vi có ý chí của một hoặc cả hai vợ chồng với sự quyết định của Tòa án. Về ly hôn, chúng ta sẽ đi sâu hơn với các khái niệm: thuận tình ly hôn và đơn phương ly hôn.

1.1. Thuận tình ly hôn.

Thuận tình ly hôn hay còn gọi là ly hôn thuận tình là trường hợp ly hôn theo yêu cầu của cả hai vợ chồng khi đã thỏa thuận được tất cả những vấn đề về quan hệ vợ chồng, quyền nuôi con, cấp dưỡng và chia tài sản (hoặc đồng ý tách riêng theo yêu cầu

chia tài sản vợ chồng thành một vụ án khác sau khi cả hai vợ chồng ly hôn). Như vậy, Tòa án sẽ thực hiện theo thủ tục ly hôn thuận tình và ra quyết định công nhận đồng thuận ly hôn. Theo quy định: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận ly hôn đồng thuận; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn.”*. Điều kiện để pháp luật công nhận thuận tình ly hôn là vào thời điểm viết đơn, ký đơn, gửi đơn, khi cả hai vợ chồng cùng tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc sau đây:

- Đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa hai bên.
- Quyền trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng (hoặc tự nguyện không yêu cầu tòa giải quyết).
- Tài sản chung và nợ chung.

Bên cạnh đó, nội dung thỏa thuận của vợ và chồng cũng được xem xét sao cho bảo đảm được quyền lợi chính đáng của người vợ và người con khi đã ly hôn.

Trong trường hợp vợ chồng thuận tình ly hôn thì Tòa án vẫn phải tiến hành hoà giải cho người vợ và người chồng. Nếu hoà giải không thành thì Tòa án sẽ lập biên bản về việc tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành giữa hai vợ chồng đó.

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn sẽ có hiệu lực pháp luật ngay, các bên không có quyền kháng cáo sau khi quyết định được công nhận, đồng thời Viện Kiểm sát cũng sẽ không có quyền kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Đơn phương ly hôn.

Căn cứ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hiện nay pháp luật cho phép vợ hoặc chồng được phép ly hôn theo yêu cầu của một bên. Tuy nhiên, việc ly hôn này phải được thực hiện trên cơ sở những căn cứ chứng minh một trong hai bên có những hành vi, vi phạm nghiêm trọng đến chế độ vợ, chồng. Theo đó, quy định

tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 về ly hôn theo yêu cầu của một bên được thực hiện trong những trường hợp sau:

- Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.
- Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.
- Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc chồng, vợ có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người kia.

Căn cứ theo quy định trên thì trong trường hợp muốn đơn phương ly hôn với vợ hoặc chồng thì phải đưa ra được cơ sở chứng minh rằng người chồng hoặc vợ đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng (có hình ảnh, video ghi nhận chồng hoặc vợ có hành vi ngoại tình...) hoặc có căn cứ chứng minh chồng hoặc vợ thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình khi hai vợ chồng chung sống với nhau gây ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như tinh thần...

Trong trường hợp có đủ cơ sở theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì vợ hoặc chồng có quyền làm đơn yêu cầu đơn phương ly hôn gửi lên Tòa án nhân dân quận, huyện nơi vợ chồng cư trú để được yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Lịch sử liên quan đến ly hôn.

2.1. Pháp luật ly hôn trước năm 1945.

Ly hôn là một hiện tượng xã hội, do đó lịch sử vấn đề ly hôn phản ánh đầy đủ và sinh động quá trình đấu tranh tiến tới bình đẳng về kinh tế – xã hội, giai cấp và bình

đẳng về giới trong mỗi hình thái kinh tế xã hội. Khi bắt đầu hình thái kinh tế xã hội Cộng sản nguyên thủy thì khái niệm về hôn nhân và gia đình chưa hề tồn tại, cho nên vấn đề về ly hôn cũng chưa được đặt ra. Cho đến khi trải qua hàng nghìn năm cùng với sự tiến bộ của xã hội loài người, một số hình thái sơ khai về gia đình đã ra đời, nhưng vấn đề ly hôn thì phải sau một khoảng thời gian rất dài sau này mới xuất hiện.

Trong Việt Nam phong tục, Phan Kế Bính có viết: *“Tục ta đi lấy chồng dù hay dở, sống chết thế nào cũng là người nhà chồng, chỉ nương nhờ vào chồng con chứ không nương nhờ ai được nữa”*. Dù có biện hộ dưới hình thức nào, nhưng sự thật là, những quy định được thừa nhận trên đây đã hàm ý tước bỏ quyền ly hôn đối với người phụ nữ. Các văn bản tiêu biểu thời kỳ phong kiến còn tồn tại đến ngày nay là: Quốc Triều Hình luật (Luật Hồng Đức) ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông, Hoàng Việt Luật lệ (Luật Gia Long) được ban hành dưới triều đại vua Gia Long cũng đã có quy định một vài “duyên có” mà theo đó người vợ có thể bỏ chồng. Chẳng hạn, nếu người đàn ông phạm vào điều tuyệt nghĩa là bán vợ làm nô lệ, cho thuê hay cầm cố vợ, người vợ đó có quyền xin ly hôn chồng.

2.2. Pháp luật ly hôn từ năm 1945 đến năm 1986.

Cách mạng tháng Tám 1945 đã đưa nhân dân từ thân phận nô lệ thấp kém lên địa vị làm chủ đất nước, xây dựng cuộc sống hoà bình, xã hội không còn chế độ người bóc lột người. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, nhân dân ta đã đấu tranh xoá bỏ chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến cổ hủ, lạc hậu để xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình văn minh, tiến bộ. Ngày 10/10/1945 Chủ tịch nước đã ban hành Sắc lệnh số 90/ST, cho phép áp dụng những quy định trong bộ luật ở chế độ cũ có chọn lọc trên nguyên tắc là không được trái với lợi ích của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong đó, nổi bật là có vấn đề hôn nhân và gia đình và hậu quả của ly hôn. Trong bản Hiến Pháp đầu tiên của nước ta năm 1946, quyền bình đẳng giữa nam và nữ được ghi nhận tại trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta *“đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”*. Điều này làm cơ sở pháp lí quan trọng cho việc đấu tranh xoá bỏ chế độ hôn nhân và

gia đình ở chế độ phong kiến, đặt nền móng cho xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình ở chế độ dân chủ.

Từ năm 1955 đến năm 1975 đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Ở miền Bắc, chế độ hôn nhân và gia đình được xây dựng trên nguyên tắc tự do, tiến bộ, nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ và con cái. Trên cơ sở Hiến pháp 1959 ghi nhận sự bình đẳng dân chủ giữa phụ nữ và nam giới về các mặt, nhà nước bảo hộ quyền lợi của bà mẹ và trẻ em, bảo vệ hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và Gia đình được Quốc hội khoá I thông qua ngày 29/12/1959 và có hiệu lực ngày 13/01/1960. Ở miền Nam, sau năm 1954, dưới chính sách cai trị của đế quốc Mỹ và chế độ nguy quyền Sài Gòn, hệ thống các văn bản pháp Luật Hôn nhân và Gia đình được ban hành với những nội dung còn lạc hậu.

Sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh xã hội mới, hồi phục và phát triển. Việc sửa đổi bổ sung một số điều trong luật trở nên cần thiết và đó cũng chính là sự đòi hỏi của thực tiễn. Ngày 29/12/1986, tại kỳ họp 12, Quốc hội khóa VII, Luật Hôn nhân và Gia đình đã được thông qua, Luật này đã kế thừa và phát huy được những quy định tiến bộ của luật 1959 và xây dựng nhiều quy định mới phù hợp hơn với yêu cầu của thực tế, dần xóa bỏ những hủ tục trong kết hôn và ly hôn cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội.

2.3. Pháp luật ly hôn sau năm 1986 đến nay.

Sau thời kì bao cấp, hiến pháp năm 1980 ra đời đã có sự thay đổi về nguyên tắc xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và Gia đình đã dần được thay đổi để cụ thể hóa những nguyên tắc mà hiến pháp quy định để phù hợp hơn với hoàn cảnh của đất nước lúc bấy giờ. Trên cơ sở tổng kết 14 năm thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, kết hợp với việc thực hiện chính sách mở cửa và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, ngày 09/6/2000, Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 dựa trên quan điểm chỉ đạo việc xây dựng luật sao cho phù hợp với tình thế mới, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 1980 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Sau một thời gian áp dụng, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có một số bất cập và hạn chế, cũng như không còn phù hợp với thực tế xã hội. Vì thế, ngày 19/06/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thay thế cho các Luật Hôn nhân và Gia đình trước đó. Văn bản này có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và hiện tại đang còn hiệu lực.

Như vậy, Luật Hôn nhân và Gia đình là một ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Việc hoàn thiện pháp luật về Luật Hôn nhân và Gia đình qua từng thời kỳ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong điều chỉnh các quan hệ pháp luật và tạo ra sự thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật của nước ta. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, các quan hệ Hôn nhân và Gia đình do ảnh hưởng của xu hướng hội nhập toàn cầu mà ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp hơn. Ngoài ra việc hoàn thiện các quy phạm pháp luật về Hôn nhân và Gia đình còn có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển và bảo vệ mô hình gia đình xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no, tiến bộ và bình đẳng. Qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam đã nhiều lần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp hơn với hoàn cảnh kinh tế, xã hội.

3. Yếu tố lỗi trong ly hôn.

Pháp luật về hôn nhân và gia đình trước khi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được ban hành, khi đề cập đến trách nhiệm của các bên trong việc chia tài sản chung, trong quan hệ hôn nhân... đều không thấy đề cập đến yếu tố lỗi, nên đã gây ra không ít khó khăn trong việc áp dụng pháp luật về trách nhiệm của các bên đã có lỗi. Ví dụ: người chồng thường xuyên say rượu, đánh bạc, đánh vợ,... dẫn đến việc phải ly hôn, nhưng văn bản luật năm 2000 chưa có quy định về xác định lỗi của các bên để chia tài sản chung.

Để khắc phục tình trạng trên, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, lần đầu tiên đề cập yếu tố lỗi ở một số nội dung. Một là, nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn được quy định tại Điều 59. Theo đó, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố: Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên

trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập; và lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Như vậy, theo Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn đã có bổ sung yếu tố lỗi vào một trong những căn cứ trong phân chia tài sản chung giữa vợ chồng. Tuy nhiên, việc giải quyết chế độ tài sản vợ chồng vẫn do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng thì Tòa án mới giải quyết theo quy định của Luật. Quy định này góp phần vào việc ổn định quan hệ hôn nhân và gia đình đồng thời bảo vệ quyền lợi của bên “bị hại” trong quan hệ hôn nhân và gia đình, mà phần lớn là phụ nữ. Hai là, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong khi đó Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, tại Điều 89 về căn cứ cho ly hôn chỉ đề cập: Tòa án xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

Từ đó thấy được Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đã bổ sung điểm mới khi cho chế định ly hôn là có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng. Như vậy, rõ ràng Luật hiện hành đã đưa yếu tố lỗi để xem xét cho ly hôn. Đây là quan điểm tiến bộ, được nhiều người đồng tình ủng hộ, phù hợp với các yếu tố cấu thành của trách nhiệm dân sự.

4. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong ly hôn.

4.1. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.

Thứ nhất: Quyền ly hôn khi đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Theo Khoản 3, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.”*

Thứ hai: Quyền nuôi con. Theo Khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”*.

Thứ ba: Chia tài sản. Theo Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định nguyên tắc giải quyết tài sản khi ly hôn như sau:

“1. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng, Tòa án giải quyết theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận thì việc giải quyết tài sản khi ly hôn được áp dụng theo thỏa thuận đó; nếu thỏa thuận không đầy đủ, rõ ràng thì áp dụng quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật này để giải quyết.

2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau:

- Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;
- Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;
- Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;
- Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.

4. Tài sản riêng của vợ, chồng thuộc quyền sở hữu của người đó, trừ trường hợp tài sản riêng đã nhập vào tài sản chung theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp có sự sáp nhập, trộn lẫn giữa tài sản riêng với tài sản chung mà vợ, chồng có yêu cầu về chia tài sản thì được thanh toán phần giá trị tài sản của mình đóng góp vào khối tài sản đó, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.”

Thứ 4: Quyền lưu cư. Theo Điều 63 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng của người đó; trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”.*

Thứ 5: Nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ Điều 115 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình”*

4.2. Bảo vệ quyền lợi của trẻ em.

Thứ nhất: Quyền được cha mẹ trông nom chăm sóc giáo dục sau khi ly hôn. Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định quyền được trông nom chăm sóc giáo dục của con sau khi ly hôn.

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Theo đó về nguyên tắc thì quyền nuôi con sau khi ly hôn sẽ do hai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án sẽ giao con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng dựa trên các nguyên tắc sau:

- Đối với con dưới 36 tháng tuổi sẽ do người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.
- Đối với con từ 7 tuổi trở lên thì phải hỏi ý kiến của con.
- Trường hợp khác tòa án sẽ ấn định cho một người dựa trên các căn cứ như điều kiện về vật chất và điều kiện về tinh thần để giao con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng. Điều kiện về vật chất bao gồm: Ăn, ở, sinh hoạt, điều kiện học tập... mà mỗi bên dành cho con, yếu tố đó dựa trên thu nhập, tài sản, chỗ ở của cha mẹ; Các yếu tố về tinh thần bao gồm: Thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, điều kiện cho con vui chơi giải trí, trình độ học vấn... của cha mẹ.

Thứ hai: Quyền được lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ theo Khoản 3, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.”*. Như vậy khi con từ 7 tuổi trở lên, cha hoặc mẹ muốn thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét đến nguyện vọng của con.

Chương 2: Những điều kiện để ly hôn.

1. Điều kiện cần để có thể ly hôn.

1.1. Có hành vi bạo lực gia đình.

Để xác định vợ, chồng có xảy ra hành vi bạo lực gia đình hay không thì chúng ta cần căn cứ vào Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực gia đình gồm các hình thức sau:

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.
- Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm.
- Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng.
- Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.
- Cưỡng ép quan hệ tình dục.
- Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.
- Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình.
- Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.
- Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Trong một số trường hợp, hành vi bạo lực gia đình tác động đến thành viên khác trong gia đình là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như trường hợp bố hoặc mẹ cưỡng ép tảo hôn đối với con hoặc cưỡng ép con kết hôn mà bên mẹ hoặc bố không chấp nhận làm nảy sinh mâu thuẫn giữa hai bên...

1.2. Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Để xác định có việc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến việc một bên yêu cầu ly hôn hay không, có thể dựa vào những căn cứ sau.

Thứ nhất, vi phạm quyền, nghĩa vụ về nhân thân:

- Vợ hoặc chồng có hành vi phân biệt đối xử, gây bất bình đẳng nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ trong gia đình như việc ăn ở, chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, quan hệ với gia đình, họ hàng hai bên; phân biệt đối xử, cản trở vợ hoặc chồng thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân như chọn nghề nghiệp, việc làm, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, tham gia công tác xã hội ...
- Vợ hoặc chồng có hành vi ngoại tình, chung sống như vợ chồng với một người khác mặc dù mình đang có gia đình. Tuy đã được người còn lại hoặc bà con thân thích hay cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình.
- Vợ hoặc chồng không chung sống với nhau mà không có lý do chính đáng hoặc không có thỏa thuận gì khác. Để đạt mục đích kết hôn là xây dựng gia đình hòa thuận, bền vững, vợ chồng phải thực sự chung sống với nhau, cũng không buộc phải thường xuyên, liên tục suốt thời kỳ hôn nhân nhưng nếu không chung sống một thời gian dài mà không có lý do chính đáng và không có thỏa thuận với nhau sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và những vấn đề pháp lý khác.
- Vợ hoặc chồng ràng buộc việc lựa chọn nơi cư trú mà không có thỏa thuận với nhau. Bên cạnh nghĩa vụ chung sống thì vợ chồng có quyền thỏa thuận lựa chọn nơi cư trú phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh chung sống và thuận lợi cho việc duy trì mối quan hệ vợ chồng; trường hợp bên vợ hoặc bên chồng ràng buộc về nơi cư trú của bên kia mà không có sự bàn bạc, đồng ý hoặc hai bên thỏa thuận với nhau là đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ hoặc chồng.

- Vợ hoặc chồng có hành vi làm ảnh hưởng nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- Vợ hoặc chồng có hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.

Thứ hai, vi phạm quy định về đại diện giữa vợ, chồng:

- Vợ hoặc chồng có hành vi vi phạm quy định về đại diện giữa vợ, chồng như tự ý đứng ra xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của cả vợ chồng, gia đình mà không được sự đồng ý của bên kia làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của bên không đứng ra giao dịch hoặc của cả gia đình.
- Vợ hoặc chồng từ chối làm người đại diện cho bên kia mà không có lý do chính đáng trong những trường hợp pháp luật quy định để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên kia.

Thứ ba, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ tài sản:

- Vợ hoặc chồng vi phạm quy định về bình đẳng quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, phân biệt giữa lao động có thu nhập với lao động trong gia đình; đưa tài sản chung vào kinh doanh mà không có thỏa thuận bằng văn bản; không đóng góp tài sản, thu nhập để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, không thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.
- Vợ hoặc chồng vi phạm quy định về đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung, không ghi tên của cả hai vợ chồng đối với tài sản chung pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng mà không có thỏa thuận khác.
- Vợ hoặc chồng vi phạm nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng; về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng.

Như vậy, trong trường hợp người chồng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo một trong những căn cứ nêu trên thì vợ có quyền yêu cầu Tòa án giải

quyết ly hôn. Tuy nhiên người vợ cần có những bằng chứng để chứng minh lỗi của chồng (có thể được thể hiện bằng hình ảnh, băng ghi hình hoặc người làm chứng...).

2. Điều kiện đủ để có thể ly hôn.

Nếu như điều kiện ly hôn cần là những biểu hiện phản ánh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thì điều kiện đủ là sự thể hiện của mức độ, hệ quả mâu thuẫn như thế nào. Đó là: *“...làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Trường hợp vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng chỉ đủ điều kiện cho ly hôn khi mức độ, hệ quả là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể để đánh giá hành vi bạo lực gia đình hay vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đến mức độ nào thì đủ cơ sở xác định là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ thực tiễn xét xử và vận dụng hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, theo chúng tôi, căn cứ vào những dấu hiệu của điều kiện cần, mức độ tình trạng mâu thuẫn sau đây được coi là làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cụ thể:

- Hành vi bạo lực gia đình mang tính chất thường xuyên, lặp đi lặp lại nhiều lần đã được vợ hoặc chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải hoặc cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cách ly, cấm tiếp xúc nhưng bỏ mặc, không khắc phục hoặc vẫn tiếp tục hành vi bạo lực.

- Hành vi bạo lực gia đình mang tính chất thường xuyên hoặc không thường xuyên nhưng gây ra hậu quả thương tích hoặc làm cho nạn nhân bị tổn hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc làm cho nạn nhân tìm cách tự sát.
- Vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân như ngoại tình, chung sống như vợ chồng với người khác đã được vợ, chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức góp ý, nhắc nhở, khuyên bảo, hoà giải nhưng không khắc phục.
- Vi phạm quyền và nghĩa vụ về nhân thân như không chung sống với nhau một thời gian dài mà không có lý do chính đáng, chung sống với nhau không có tình nghĩa vợ chồng.
- Vi phạm quy định về đại diện giữa vợ, chồng và chế độ tài sản của vợ, chồng được coi là trầm trọng như việc tự ý xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch, từ chối đứng ra làm đại diện cho bên kia mà không có lý do chính đáng, không bình đẳng trong tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, tự ý đưa tài sản chung vào kinh doanh.

3. Ví dụ làm rõ về các điều kiện ly hôn.

Tình huống 1: Anh A và chị B là vợ chồng hơn 10 năm nay. Thời gian qua, chị B đột nhiên phát bệnh tâm thần. Sau thời gian dài điều trị không khỏi, anh A từ việc yêu thương, chăm sóc vợ nay trở nên chán nản, thường xuyên có hành vi đánh đập, bạo hành vợ. Nhìn cảnh con gái bị đánh đập dã man, có lúc thương tích đầy người, bà C là mẹ chị B rất thương xót con, nhiều lúc bà suy nghĩ hay để con gái ly hôn, để bà chăm sóc con. Bà không biết với tư cách là người mẹ, bà có thể đề nghị Tòa án cho con gái bà được ly hôn không?

Giải quyết: Theo Khoản 2 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 quy định quyền yêu cầu giải quyết ly hôn như sau: *“Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.”*

Theo quy định trên, chị Mơ bị bệnh tâm thần và đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng chị gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của chị. Do đó, bà Sang là mẹ chị Mơ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tình huống 2: Chị A và anh B kết hôn đã lâu, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên anh B đã đi làm ăn xa. Đã 5 năm kể từ ngày anh B đi thì gia đình không liên lạc được. Trong tình huống này chị A có thể ly hôn để tiến tới một mối quan hệ khác hay không?

Giải quyết: Theo Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”

Như vậy, dựa vào căn cứ này, chị A sẽ được Tòa án sẽ giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc anh B mất tích.

Tình huống 3: Chị A kết hôn với anh B vào năm 2015. Một thời gian sau đó, anh B chuyển công tác và bắt buộc chị A nghỉ việc để cùng đi đến nơi khác với mình mặc dù chị A không đồng ý. Đồng thời, chị A cũng phát hiện và có chứng cứ anh B ngoại tình với một người mà người đó ở khu vực nơi anh B sắp chuyển đến. Chị rất thương chồng nên đã suy sụp tinh thần và có các dấu hiệu trầm cảm. Nhưng sau khi bình tĩnh suy nghĩ, Chị A đã cứng rắn muốn ly hôn anh B. Chị muốn hỏi chị đã đủ điều kiện để ly hôn anh B hay chưa?

Giải quyết: Theo khoản 1 Điều 56 LHNGĐ 2014: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho ***hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng***, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Trường hợp này, chồng chị A ngoại tình gây ảnh hưởng đến cuộc sống của chị A và không thể hàn gắn, chung sống hạnh phúc thì chị A hoàn toàn đủ điều kiện để khởi kiện, yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị A cũng có thể chọn ly hôn đơn phương. Thủ tục ly hôn đơn phương được thực hiện như việc khởi kiện một vụ án dân sự thông thường, được điều chỉnh bởi quy định của BLTTDS 2015.

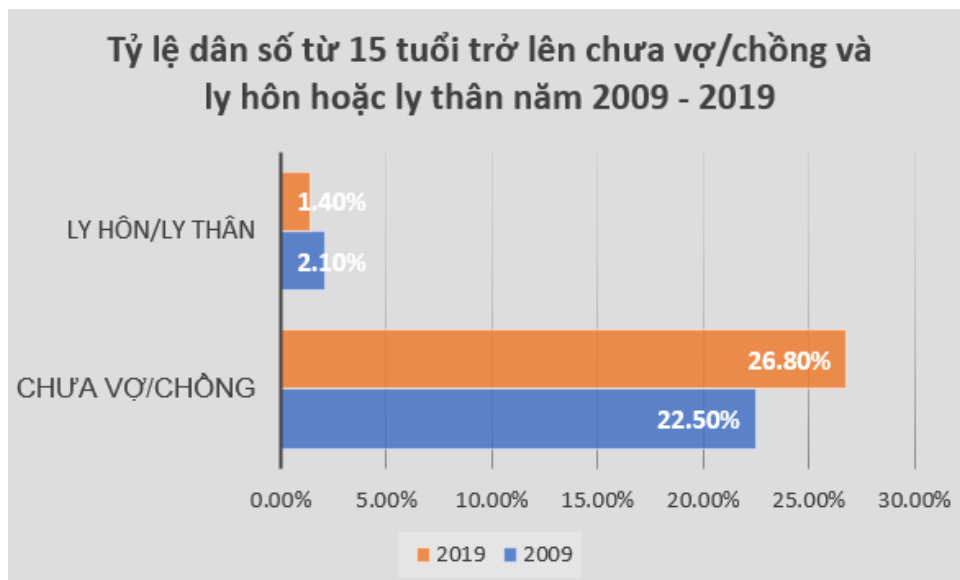
Chương 3: Những vấn đề thực tiễn về ly hôn.

1. Thực trạng ly hôn.

1.1. Ở Việt Nam.

Hiện nay, tổng số dân của Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là 96.208.984 người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người (chiếm 49,8%) và dân số nữ là 48.327.923 người (chiếm 50,2%). Với kết quả này, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-li-pin). Sau 10 năm, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 10,4 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009 – 2019 là 1,14%/năm, giảm nhẹ so với giai đoạn 1999 – 2009 (1,18%/năm).

Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội, phân bố dân cư và cơ cấu nhóm tuổi dẫn đến chênh lệch về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa có vợ/chồng giữa các vùng. Vùng Đông Nam Bộ là nơi có tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa có vợ/chồng cao nhất (30,2%), cao hơn 1,8 lần so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc (17,0%).

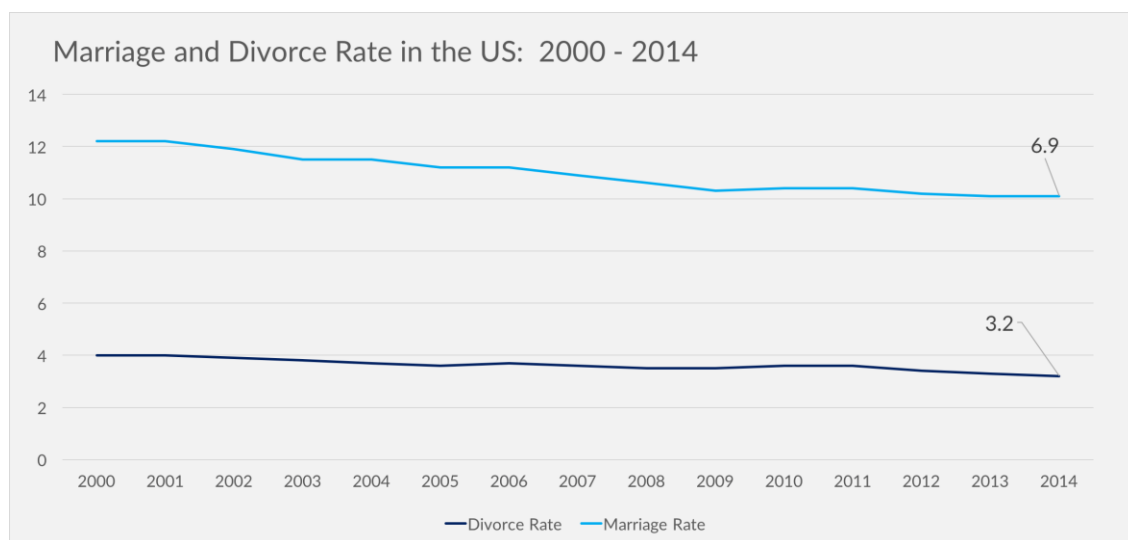


Tình trạng hôn nhân của dân số từ 15 tuổi trở lên theo năm (2009 - 2019)

Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên chưa vợ/chồng năm 2019 giảm 4,3 điểm phần trăm so với năm 2009, tương ứng là 22,5% và 26,8%. Tuy nhiên, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên ly hôn hoặc ly thân tăng so với năm 2009, tương ứng là 2,1% và 1,4%.

1.2. Ở các nước phát triển.

Như chúng ta đã biết, Mỹ là một trong các nước phát triển và có thể mạnh về nhiều lĩnh vực. Có người cho rằng, đất nước càng phát triển thì đời sống hôn nhân sẽ phát triển và hạnh phúc, việc ly hôn sẽ ít xảy ra hơn so với các nước đang phát triển. Vậy điều đó có thật sự đúng? Câu trả lời sẽ ở ngay phía dưới đây.



Tỉ lệ ly hôn và kết hôn của Hoa Kỳ theo năm

Biểu đồ trên cho thấy, trong suốt từ năm 2000 đến năm 2014, tỉ lệ ly hôn chiếm gần 50% tỉ lệ kết hôn và đang có xu hướng giảm, điều này cũng đúng tính đến năm 2019. Tính đến năm 2019, cả tỷ lệ kết hôn và tỷ lệ ly hôn ở Mỹ đều đang giảm - với tỷ lệ kết hôn giảm từ 8.2 trên 1000 người năm 2000 xuống còn 6.1 và tỷ lệ ly hôn từ 4.0 năm 2000 xuống còn 2.7. Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng thế hệ trẻ đang có xu hướng kết hôn muộn, dẫn đến sự suy giảm của cả tỷ lệ kết hôn và ly hôn ở Mỹ.

Theo số liệu ly hôn mới được công bố từ CDC vào năm 2019, cứ sau 42 giây, có một cuộc ly hôn ở Mỹ, Điều đó tương đương với 86 lần ly hôn mỗi giờ, 2,046 lần ly hôn mỗi ngày, 14,364 vụ ly hôn mỗi tuần và 746,971 vụ ly hôn mỗi năm.

2. Nguyên nhân ly hôn.

2.1. Bạo lực gia đình.

Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng ly hôn. Chúng ta không thể phủ nhận không một cuộc hôn nhân nào mà không có những cãi vã, xô xát

làm tổn thương nhau. Tuy nhiên, những tổn thương, những lần bạo lực đó lần đầu chúng ta có thể tha thứ, nhưng nếu như hành vi đáng xấu hổ đó cứ mãi tiếp diễn thì một cuộc hôn nhân tan vỡ là điều tất yếu.

Phát biểu tại Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng chống bạo lực gia đình (PCBLGD), Bộ trưởng Bộ VH-TT-DL Nguyễn Ngọc Thiện nói rõ: “Theo thống kê, tại Việt Nam, bạo lực gia đình đã làm tổn hại tinh thần, ảnh hưởng tới kinh tế và năng suất lao động, ước tính gây thiệt hại khoảng 1,77% GDP mỗi năm. Các nghiên cứu về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam cũng cho thấy có tới 58% phụ nữ đã kết hôn cho biết họ đã từng trải qua ít nhất một trong 3 hình thức bạo lực gia đình. Đặc biệt, con số thống kê cũng cho thấy gần 80% số vụ ly hôn hàng năm có nguyên nhân từ bạo lực gia đình...”.

2.2. Mẫu thuẫn tài chính.

Theo như kinh nghiệm tư vấn hôn nhân của nhiều luật sư nổi tiếng như: Hồ Ngọc Hiền Thảo, Nguyễn Đức Thắng Ý... chỉ ra rằng quan hệ vợ chồng có thể bị phá vỡ bởi gánh nặng cơm áo gạo tiền. Cuộc sống khó khăn, nghề nghiệp không ổn định là nguyên nhân rất dễ xảy ra tranh cãi, xích mích gia đình. Đặc biệt là khi một trong hai bên vợ chồng thiếu đi sự chia sẻ, cởi mở và minh bạch trong vấn đề tài chính thì rất dễ đẩy một cuộc hôn nhân hạnh phúc xuống đáy sâu vực thẳm.

2.3. Ngoại tình.

Trong hôn nhân có rất nhiều nguyên nhân xảy ra khiến một trong hai bên không thể giữ được sự chung thủy cho nhau. Đó có thể là chuyện chăn gối hay cũng có thể là do một cơn say nắng bất ngờ của người bạn đời,... Và ngoại tình sẽ được hình thành khi hai bên đang có khúc mắc, trục trặc. Ngoại tình thường đi kèm với những cơn ghen tuông tùy mức độ. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhiều nhất mà em nghĩ rằng chúng ta nên điếm qua.

2.4. Các nguyên nhân phụ khác.

Qua nghiên cứu nhiều hồ sơ án ly hôn, em thấy rằng: Ngoài các nguyên nhân trên thì còn một nguyên nhân phần lớn và sâu xa dẫn tới tình trạng ly hôn ngày càng gia tăng, đặc biệt với các cặp vợ chồng trẻ là do họ thiếu kỹ năng sống. Họ bước vào cuộc sống hôn nhân khi tuổi đời còn quá trẻ, chưa có sự chuẩn bị về tâm lý, kinh tế, sức khỏe và những hiểu biết cần thiết cho cuộc sống gia đình, quá đề cao cái tôi của bản thân, ít quan tâm đến chồng hoặc vợ, khiến phần lớn các cặp vợ chồng trẻ nảy sinh mâu thuẫn ngay từ những tháng đầu, năm đầu của cuộc hôn nhân.

3. Giải pháp hạn chế ly hôn.

Đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam theo chủ đề nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình trong giai đoạn 5 năm và từ 2020 đến năm 2025 dưới nhiều hình thức.

Nâng cao chất lượng giáo dục trong gia đình cũng như Nhà trường và xã hội đối với giới trẻ, trong đó đặc biệt chú trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách để họ nâng cao nhận thức, hiểu biết về Luật Hôn nhân và Gia đình; Tập huấn các kỹ năng theo từng giới (nam, nữ riêng), cùng với đó giúp họ chuẩn bị tốt về mọi mặt trước khi bước vào cuộc sống vợ chồng, nhất là các kỹ năng sống, cách ứng xử, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, khả năng kiềm chế cái tôi của bản thân để tránh được việc dễ xảy ra ly hôn ngay từ những năm đầu chung sống.

Đẩy mạnh vai trò của Hội liên hiệp phụ nữ để làm tốt công tác hòa giải ngay từ cơ sở, giải quyết những mâu thuẫn ngay khi mới phát sinh, từ đó hạn chế việc gửi đơn ra Tòa để xin ly hôn.

Cần đưa chỉ tiêu nâng cao việc hòa giải thành trong việc giải quyết án ly hôn của ngành Tòa án, để góp phần kiềm chế tình trạng ly hôn gia tăng.

Cuối cùng, Tăng cường công tác tuyên truyền pháp Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành thông qua hệ thống truyền thanh tại tổ dân, khu phố để nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam bền vững...

4. Một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ly hôn.

Thứ nhất, cần lượng hóa nội dung tiêu chí về căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngoại tình là một trong những hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy giữa vợ chồng, là hành vi trái với đạo đức xã hội. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ. Trước đây, theo Sắc lệnh số 159/SL ngày 17/11/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định trường hợp ngoại tình và một bên bỏ nhà đi quá hai năm không có duyên cớ chính đáng là một trong những căn cứ để Tòa án cho ly hôn.

Do đó, cần bổ sung hướng dẫn áp dụng căn cứ ly hôn khi vợ hoặc chồng có hành vi ngoại tình vào Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, cụ thể như sau: “Trường hợp một bên vợ hoặc chồng có hành vi ngoại tình lặp đi lặp lại nhiều lần hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà vẫn tiếp tục vi phạm hoặc có văn bản của cơ quan điều tra là có dấu hiệu tội phạm (tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng) nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi ngoại tình của vợ hoặc chồng gây ra hậu quả nghiêm trọng. Hậu quả nghiêm trọng có thể là gây tổn hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của bên còn lại, làm cho gia đình tan vỡ. Trường hợp vợ hoặc chồng có hành vi ngoại tình và bỏ nhà đi quá hai năm mà không có tin tức, không có trách nhiệm với gia đình, không cùng nhau xây dựng mục đích hôn nhân làm cho quan hệ vợ chồng rạn nứt”.

Thứ hai, cụ thể hóa quy định về hành vi bạo lực gia đình làm căn cứ cho ly hôn. Nghị định số 126/2014/NĐ-CP cần bổ sung hướng dẫn áp dụng căn cứ ly hôn khi vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình, cụ thể như sau: “Trong trường hợp chồng hoặc vợ có hành vi bạo lực gia đình thì vợ hoặc chồng được Tòa án giải quyết cho ly hôn khi có căn cứ sau: Đối

với hành vi bạo lực vật chất: Vợ, chồng thường xuyên đánh đập, ngược đãi, hành hạ làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn bị giày vò về mặt tình cảm, bị tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe mà chưa đến mức xử lý về hình sự hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Đối với bạo lực tinh thần: Vợ, chồng bị chửi bới, sỉ nhục, xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín. Hành vi bạo lực của vợ, chồng được lặp đi lặp lại nhiều lần, đã được chính quyền địa phương nhắc nhở hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc có văn bản của cơ quan điều tra có dấu hiệu tội phạm (tội ngược đãi vợ; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; tội bức tử) nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Thứ ba, pháp luật Việt Nam cần công nhận ly thân và xem ly thân là một trong những căn cứ để cho ly hôn. Căn cứ ly hôn do ly thân: “Trong trường hợp vợ chồng đã sống ly thân hơn 3 năm mà vẫn không thể quay về với nhau để chung sống hạnh phúc hoặc sống ly thân hơn 3 năm theo quyết định của Tòa án thì Tòa án giải quyết cho ly hôn mà không phải xem xét, đánh giá thực trạng quan hệ vợ chồng và các bên không phải chứng minh tình trạng trầm trọng của hôn nhân”.

Thứ tư, cần bổ sung quy định căn cứ ly hôn khi chồng hoặc vợ phạm tội và đang chấp hành án phạt tù. Cần bổ sung quy định căn cứ ly hôn khi chồng hoặc vợ phạm tội và đang chấp hành án phạt tù, cụ thể như sau: “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người đang chấp hành án phạt tù yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”.

Kiến nghị này xuất phát từ một số lý do sau:

- Chúng ta nên học hỏi pháp luật nước ngoài trong việc quy định trường hợp vợ hoặc chồng ly hôn với chồng hoặc vợ đang chấp hành án phạt tù. Ví dụ, theo Điều 1516 Bộ Luật Dân sự và Thương mại Thái Lan quy định: “Vợ hoặc chồng đã bị Tòa án kết án có phán quyết cuối cùng và bị tù hơn một năm vì phạm tội mà không có bất cứ sự tham gia, đồng tình hoặc hay biết của người kia và sự chung sống như vợ chồng gây cho người kia phải chịu đựng thiệt hại hoặc quấy nhiễu quá đáng”. Ngoài ra, Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành nên kế thừa những quy định của pháp luật trước đây về căn cứ ly hôn. Tại Sắc lệnh số 159/SL

ngày 17/11/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định: Một trong những căn cứ ly hôn là trường hợp một bên vợ hoặc chồng can án phạt giam. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng thực hiện quyền được ly hôn khi một bên vợ, chồng có đạo đức không tốt, vi phạm pháp luật. Quy định này cũng có ý nghĩa răn đe những người là vợ, chồng chuẩn bị phạm tội phải suy nghĩ, đắn đo khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của nó đối với chính mình.

- Gia đình có các chức năng cơ bản: Chức năng kinh tế, giáo dục, duy trì nòi giống và thỏa mãn nhu cầu sinh lý, tình cảm. Khi một người đang chấp hành án phạt tù thì không thực hiện được nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, họ không thể duy trì hạnh phúc gia đình, không có trách nhiệm với gia đình, không cùng nhau xây dựng mục đích của hôn nhân cũng như trong việc chung tay nuôi dưỡng con cái. Việc duy trì hôn nhân chỉ là hình thức bên ngoài. Mặt khác, người đang chấp hành án phạt tù thì không thể chăm lo được về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho gia đình, người phạm tội có thể là người mất tư cách, có đạo đức xấu ảnh hưởng đến việc giáo dục con cái.

C. KẾT LUẬN

Như vậy, ly hôn là quyền tự do, sự tự nguyện trong hôn nhân nhưng cũng gây ra nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Trong đó tác động trực tiếp nhất của các vụ ly hôn là gây tổn thương cho người trong cuộc, nhất là những đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong gia đình có cha mẹ ly hôn. Sau khi nghiên cứu và tìm hiểu đề tài, em đã trình bày được các vấn đề lý luận về ly hôn như: lịch sử ly hôn, các khái niệm, các yếu tố lỗi và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em... Em cũng đã phân tích các điều kiện để có thể ly hôn và đưa ra các tình huống cụ thể, giải quyết dựa vào cơ sở pháp lý Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Về thực tiễn, em đã chủ động tìm thêm các thông tin, tài liệu tiếng anh để chỉ ra thực trạng, nguyên nhân, giải pháp về tình trạng ly hôn trong và ngoài nước. Đồng thời, có thêm các kiến nghị cá nhân nhằm mục đích nâng cao tính toàn vẹn và phù hợp trong luật pháp về Luật hôn nhân và gia đình. Qua đó phần nào làm rõ những mặt tích cực và hạn chế trong quy định ly hôn của pháp luật, đồng thời cho thấy tầm quan trọng của việc xác định rõ ràng, phân chia đúng quyền lợi mà người vợ hay người chồng được hưởng và có nghĩa vụ thực hiện từ đó tránh được tranh chấp xảy ra, tạo sự hòa thuận sau này liên quan đến vấn đề con cái.

Qua đây, em cũng có đôi lời nhắn nhủ đến các bạn trẻ, đặc biệt là các bạn học sinh sinh viên như em. Chúng ta là những người trẻ, những người có tri thức và sự hiểu biết nhất định về pháp luật nói chung và hôn nhân nói riêng. Hôn nhân là một trải nghiệm hạnh phúc chứ không phải là một nhiệm vụ đau khổ mà chúng phải hoàn thành. Đừng bốc đồng hay vội vàng đưa ra quyết định. Hãy suy nghĩ kỹ, liệu chúng mình đã đủ can đảm để đón nhận trách nhiệm ngọt ngào này, đã sẵn sàng chăm sóc cho mái ấm và chấp nhận đối mặt với cơm áo gạo tiền hay chưa? Hôn nhân là chuyện hệ trọng của đời người, đừng vội vàng kết hôn, cân nhắc kỹ trước khi đưa ra quyết định, để không phải hối tiếc về suy nghĩ nhất thời của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội, *Luật Hôn nhân và Gia đình 2014*, 2014.
2. Quốc Hội, *Luật Hôn nhân và Gia đình 2000*, 2000.
3. Quốc Hội, *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946*, 1946.
4. Quốc Hội, *Sắc lệnh số 159/SL ngày 17/11/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, 1950.
5. Hà Nội: Chính trị quốc gia, *Bộ luật dân sự và thương mại Thái lan (các quyển I-VI)*, 1995.
6. Phạm Võ Quỳnh Hạnh (Học viện Báo chí và Tuyên truyền), *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2, năm 2019.
7. Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nga – Ths. Lê Văn Hợp, *Những vấn đề cơ bản của Pháp luật Đại cương*, trang 96 – 125, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, năm 2020.
8. Đinh Điền (Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn), *Tình huống pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình*, <https://pbgdpl.backan.gov.vn/pbgdpl/pages/2021-10-26/Tinh-huong-phap-luat-ve-Luat-Hon-nhan-va-gia-dinhhp8q4lvtokjv.aspx>, truy cập ngày 13/7/2022.
9. Nguyễn Mai Thúy, *Tình trạng ly hôn gia tăng - Nguyên nhân, giải pháp khắc phục*, <https://www.vksquangninh.gov.vn/trao-doi-nghiep-vu/cac-d-o-lu-t-tu-phap-m-i/2608-tinh-trang-ly-hon-gia-tang-nguyen-nhan-giai-phap-khac-phuc>, truy cập ngày 11/7/2022.
10. Tổng cục Thống kê, *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>, truy cập ngày 12/7/2022.
11. Mai An, *80% vụ ly hôn hàng năm là do bạo lực gia đình*, <https://www.sggp.org.vn/80-vu-ly-hon-hang-nam-la-do-bao-luc-gia-dinh-564942.html>, truy cập ngày 13/7/2022.
12. Wilkinson and Finkbeiner, *Divorce statistics: over 115 studies, facts and rates for 2022*, <https://www.wf-lawyers.com/divorce-statistics-and-facts#:~:text=U.S.%20Divorce%20Rate&text=1.,the%20%E2%80%9Ccrude%20divorce%20rate%E2%80%9D>, truy cập ngày 13/7/2022.
13. CDC/National Center for Health Statistics, <https://www.cdc.gov/nchs/fastats/marriage-divorce.htm>, truy cập ngày 13/7/2022.